

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Dự thảo
lần 2

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết một số Điều của Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số Điều của Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.

PHẦN I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định chi tiết một số Điều Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu (sau đây gọi là Nghị quyết số 107/2023/QH15).

2. Một số thuật ngữ theo bộ quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của Diễn đàn hợp tác chung về chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận toàn cầu

được sử dụng tại Nghị định này được nêu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định.

3. Những quy định tại Nghị định này không được áp dụng để xác định số thuế phải nộp theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng quy định tại Nghị định này bao gồm: Người nộp thuế; cơ quan thuế; công chức quản lý thuế; cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Người nộp thuế

1. Người nộp thuế là đơn vị hợp thành được quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 107/2023/QH15.

Trường hợp tập đoàn đa quốc gia mới thành lập có thời gian hoạt động ít hơn 4 năm trước năm tài chính xác định nghĩa vụ thuế nhưng có ít nhất 2 năm có doanh thu năm trong Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao tương đương 750 triệu EUR trở lên thì đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia đó thuộc đối tượng áp dụng của Nghị quyết số 107/2023/QH15

2. Xác định ngưỡng doanh thu hợp nhất tương đương 750 triệu Euro trong một số trường hợp cụ thể như sau:

a) Trường hợp một hoặc nhiều năm tài chính của tập đoàn đa quốc có khoảng thời gian khác 12 tháng thì đối với mỗi năm tài chính đó, ngưỡng 750 triệu EUR sẽ được điều chỉnh theo tỷ lệ số ngày của năm tài chính đó chia cho 365 ngày.

b) Trường hợp sáp nhập, hợp nhất

b1) Trường hợp hai hoặc nhiều tập đoàn sáp nhập, hợp nhất để tạo thành một tập đoàn đa quốc gia tại bất kỳ năm tài chính nào trong bốn năm tài chính trước năm tài chính xác định nghĩa vụ thuế thì doanh thu năm để xác định ngưỡng doanh thu hợp nhất là tổng doanh thu tại các Báo cáo tài chính hợp nhất của các tập đoàn trước khi sáp nhập, hợp nhất theo từng năm liên quan

b2) Trường hợp một đơn vị hoặc một tập đoàn (công ty bị sáp nhập) sáp nhập một đơn vị không phải là thành viên của bất kỳ tập đoàn nào (công ty nhận sáp nhập) trong năm tài chính xác định nghĩa vụ thuế và công ty bị sáp nhập hoặc công ty nhận sáp nhập không có Báo cáo tài chính hợp nhất tại bất kỳ năm nào trong bốn năm tài chính trước năm tài chính xác định nghĩa vụ thuế vì các công ty này không phải là thành viên của bất kỳ tập đoàn nào trong năm đó thì doanh thu năm để xác định ngưỡng doanh thu hợp nhất là tổng doanh thu tại các Báo cáo tài chính hoặc các Báo cáo tài chính hợp nhất theo từng năm liên quan của các công ty đó.

b.3) Các trường hợp sáp nhập, hợp nhất tại điểm này là:

b.3.1) Thỏa thuận dẫn đến tất cả hoặc hầu hết các đơn vị của hai hoặc nhiều tập đoàn riêng biệt được đặt dưới sự kiểm soát chung theo đó tạo thành các đơn

vị thành viên của một tập đoàn đa quốc gia;

b.3.2) Thỏa thuận dẫn đến một đơn vị không phải là thành viên của bất kỳ tập đoàn nào được đặt dưới sự kiểm soát chung cùng với một đơn vị khác hoặc một tập đoàn khác, theo đó tạo thành các đơn vị thành viên của một tập đoàn đa quốc gia.

c) Trường hợp chia, tách

c.1) Trường hợp một tập đoàn đa quốc gia đã thuộc phạm vi áp dụng Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được chia, tách thành hai hoặc nhiều tập đoàn thì ngưỡng doanh thu hợp nhất được tính riêng theo từng tập đoàn. Sau khi chia, tách, mỗi tập đoàn đa quốc gia sẽ thuộc phạm vi áp dụng Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu trong các năm tài chính như sau:

c.1.1) Đối với năm tài chính xác định nghĩa vụ thuế đầu tiên sau khi chia, tách: Doanh thu năm trong Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao thuộc tập đoàn đa quốc gia tương đương 750 triệu EUR trở lên.

c.1.2) Đối với các năm tài chính xác định nghĩa vụ thuế thứ hai đến thứ tư sau khi chia, tách: Có ít nhất 2 năm, kể từ sau năm chia, tách, doanh thu trong Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao thuộc tập đoàn đa quốc gia tương đương 750 triệu EUR trở lên.

c.2) Các trường hợp chia, tách tại điểm này là thỏa thuận dẫn đến các đơn vị của một tập đoàn được tách thành hai hoặc nhiều tập đoàn, theo đó không còn được hợp nhất vào báo cáo hợp nhất của cùng một công ty mẹ tối cao.

3. Các đơn vị được loại trừ:

a) Các đơn vị được loại trừ được quy định từ điểm a đến điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 107/2023/QH15. Các đơn vị này không được xác định là đơn vị hợp thành.

b) Đơn vị quy định tại điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 107/2023/QH15 bao gồm:

b.1) Đơn vị mà trong đó ít nhất 95% giá trị của đơn vị đó được sở hữu trực tiếp hoặc thông qua một hoặc nhiều đơn vị được loại trừ được quy định từ điểm a đến điểm e khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 107/2023/QH15, trừ tổ chức dịch vụ hưu trí và hoạt động của đơn vị này thuộc một trong hai trường hợp hoặc kết hợp cả 2 trường hợp sau:

b.1.1) Đơn vị đó hoạt động chỉ hoặc chủ yếu với mục đích để nắm giữ tài sản hoặc đầu tư vốn vì lợi ích của các đơn vị được loại trừ;

b.1.2) Đơn vị đó chỉ thực hiện các hoạt động phụ trợ cho các hoạt động do các đơn vị được loại trừ thực hiện hoặc đơn vị được loại trừ giao cho bên thứ ba thuộc sở hữu của đơn vị được loại trừ (ít nhất 95% giá trị đơn vị) thực hiện.

b.2) Đơn vị mà trong đó ít nhất 85% giá trị của đơn vị đó được sở hữu trực tiếp hoặc thông qua một hoặc nhiều đơn vị được loại trừ được quy định từ điểm a đến điểm e khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 107/2023/QH15, trừ tổ chức dịch

vụ hưu trí với điều kiện tất cả thu nhập của đơn vị đó là cổ tức được loại trừ hoặc là lãi hay là lỗ trên vốn chủ sở hữu được loại trừ khi tính thu nhập hoặc lỗ theo quy định tại khoản 4.1.2 và khoản 4.1.3 Mục II Phụ lục II Nghị định này.

c) Việc xác định đơn vị được loại trừ theo quy định tại điểm b khoản này dựa trên toàn bộ hoạt động của đơn vị này, bao gồm các hoạt động của cơ sở thường trú. Trường hợp một đơn vị được xác định là đơn vị được loại trừ thì toàn bộ hoạt động của các đơn vị này, bao gồm các hoạt động thực hiện bởi cơ sở thường trú của đơn vị sẽ được loại trừ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

d) Một đơn vị là thành viên của một tập đoàn và thuộc sở hữu của một Quỹ đầu tư hoặc thuộc sở hữu của một đơn vị đầu tư bất động sản đáp ứng điều kiện theo quy định tại điểm b khoản này thì đơn vị đó được xác định là đơn vị được loại trừ mặc dù Quỹ đầu tư hoặc đơn vị đầu tư bất động sản đó không phải là công ty mẹ tối cao của tập đoàn đó.

đ) Theo quy định tại điểm b.1 khoản này, trường hợp một đơn vị mà toàn bộ giá trị của đơn vị đó được sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp bởi tổ chức phi lợi nhuận thì hoạt động của đơn vị này được xác định là hoạt động phụ trợ nếu tổng doanh thu của các thành viên trong tập đoàn (trừ doanh thu từ tổ chức phi lợi nhuận hoặc doanh thu từ một đơn vị được loại trừ theo quy định tại điểm b.1.1 và điểm b.2 khoản này hoặc một đơn vị sẽ được coi là đơn vị được loại trừ theo quy định tại điểm này) thấp hơn 750 triệu EUR (trường hợp năm tài chính ngắn hơn 12 tháng thì được điều chỉnh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này) hoặc thấp hơn 25% doanh thu của tập đoàn đa quốc gia cho năm tài chính đó.

e) Doanh thu của các đơn vị được loại trừ sẽ được tính vào doanh thu của tập đoàn khi xác định ngưỡng doanh thu hợp nhất

g) Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai có thể lựa chọn từ bỏ quyền áp dụng khoản 3 Điều này đối với một đơn vị là đơn vị được loại trừ. Lựa chọn theo khoản này áp dụng theo quy định về lựa chọn 5 năm.

4. Thông báo danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15

a) Tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15 thì đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai có trách nhiệm gửi thông báo danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15 tới Tổng cục Thuế (Cục Thuế Doanh nghiệp lớn) là cơ quan thuế được giao nhiệm vụ quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu (sau đây gọi là cơ quan thuế) theo mẫu số 02.1/TB-ĐVHT đối với quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (sau đây viết tắt là QDMTT) hoặc mẫu số 02.2/TB-ĐVHT đối với quy định tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (sau đây viết tắt là IIR) ban hành kèm theo Nghị định này trong thời hạn 9 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính báo cáo.

b) Tập đoàn đa quốc gia không thay đổi danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15 thì đơn vị hợp thành chịu

trách nhiệm kê khai không phải thông báo lại cho cơ quan thuế. Trường hợp tập đoàn đa quốc gia có thay đổi danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15 thì đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai gửi thông báo lại tới cơ quan thuế theo mẫu số 02.1/TB-ĐVHT đối với quy định QDMTT hoặc mẫu số 02.2/TB-ĐVHT đối với quy định IIR ban hành kèm theo Nghị định này chậm nhất trước ngày hết hạn nộp Tờ khai thông tin, Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

c) Trường hợp tập đoàn đa quốc gia có tập đoàn liên doanh, tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số, đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số nhưng không phải là thành viên của tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số thuộc đối tượng áp dụng của quy định QDMTT thì đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai của tập đoàn liên doanh, tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số, đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số nhưng không phải là thành viên của tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số có trách nhiệm gửi thông báo danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15 theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

d) Cơ quan thuế tiếp nhận thông báo danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15 qua một trong các hình thức sau:

- d.1) Nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan thuế;
- d.2) Nhận hồ sơ gửi qua đường bưu chính;
- d.3) Nhận hồ sơ điện tử qua cổng giao dịch điện tử của cơ quan thuế.

PHẦN II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH VỀ QDMTT

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng QDMTT

1. Đơn vị hợp thành hoặc tập hợp các đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia là người nộp thuế theo quy định tại Điều 3 Nghị định này có hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam trong năm tài chính và có nơi cư trú tại Việt Nam được xác định theo quy định tại Mục I Phụ lục II Nghị định này phải áp dụng QDMTT.

2. Trường hợp tập đoàn đa quốc gia có nhiều hơn một đơn vị hợp thành tại Việt Nam thì đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai có trách nhiệm xác định nghĩa vụ theo quy định về QDMTT cho tất cả các đơn vị hợp thành tại Việt Nam của tập đoàn đa quốc gia đó.

Tập đoàn đa quốc gia có các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng QDMTT tự quyết định việc phân bổ thuế bổ sung phải nộp theo QDMTT giữa các đơn vị hợp thành tại Việt Nam và kê khai thông tin số thuế phân bổ tại Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung (Mẫu số 01/TNDN-QDMTT) ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Quy định về QDMTT không áp dụng đối với đơn vị hợp thành không xác định được quốc gia hoặc vùng lãnh thổ (sau đây gọi chung là nước) nơi cư trú, cơ sở thường trú không xác định được nước nơi cư trú và đơn vị đầu tư.

Đơn vị hợp thành không xác định được nước nơi cư trú quy định tại khoản 1.2 Mục I Phụ lục II, cơ sở thường trú không xác định được nước nơi cư trú quy định tại khoản 2.4 Mục I Phụ lục II, đơn vị đầu tư được giải thích tại khoản 10.1 Mục III Phụ lục II.

4. Năm tài chính để áp dụng QDMTT là năm tài chính của công ty mẹ tối cao.

Điều 5. Xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn

1. Số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn xác định theo công thức quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 107/2023/QH15. Trong đó:

a) Tỷ lệ thuế bổ sung: được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 107/2023/QH15. Tỷ lệ thuế bổ sung được làm tròn đến chữ số thập phân thứ tư. Trường hợp tỷ lệ thuế bổ sung lớn hơn thuế suất tối thiểu (do thuế suất thực tế nhỏ hơn 0) thì tập đoàn đa quốc gia tính tỷ lệ thuế bổ sung là 15%; chi phí thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh nhỏ hơn 0 của năm tài chính xác định nghĩa vụ thuế được chuyển sang các năm sau để giảm trừ thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh khi xác định thuế suất thực tế tại Việt Nam và thực hiện theo quy trình quản lý đối với chi phí thuế nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết theo quy định tại khoản 8.6 Mục II Phụ lục II.

b) Thuế suất thực tế tại Việt Nam được tính cho mỗi năm tài chính và được xác định theo công thức tại khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 107/2023/QH15. Trong đó:

b.1) Thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam thuộc phạm vi áp dụng bao gồm: Thuế được ghi trong sổ kế toán của một đơn vị hợp thành liên quan đến thu nhập hoặc lợi nhuận, hoặc phần thu nhập hoặc phần lợi nhuận của một đơn vị hợp thành khác mà đơn vị đó nắm giữ quyền sở hữu; Các loại thuế có tính chất tương tự hay về căn bản giống như thuế thu nhập doanh nghiệp; trừ Thuế bổ sung do công ty mẹ trích trước theo IIR đạt chuẩn (nếu có); Thuế bổ sung được trích trước bởi một đơn vị hợp thành theo QDMTT; Thuế do đơn vị hợp thành là công ty bảo hiểm nộp thay đổi với thu nhập từ đầu tư của chủ hợp đồng bảo hiểm.

b.2) Số thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh là thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam thuộc phạm vi áp

dụng quy định tại khoản này và được điều chỉnh theo quy định tại khoản 7 đến khoản 11 Mục II Phụ lục II.

b.3) Thuế suất thực tế được tính riêng cho trường hợp:

b.3.1) Các đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số trong một tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số

b.3.2) Đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số không phải là thành viên của tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số. Đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số, tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số được quy định tại khoản 12 Mục II Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

c) Lợi nhuận tính thuế bổ sung được xác định theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị quyết số 107/2023/QH15, trong đó:

c.1) Thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được xác định theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị quyết số 107/2023/QH15 và đảm bảo nguyên tắc thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của mỗi đơn vị hợp thành là thu nhập hoặc lỗ ròng tại Báo cáo tài chính được xác định cho đơn vị hợp thành đó trong năm tài chính trước khi có bất kỳ điều chỉnh hợp nhất nào để loại bỏ các giao dịch nội bộ trong tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao và một số nội dung quy định về điều chỉnh, phân bổ, đồng tiền sử dụng lập Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao quy định từ khoản 1 đến khoản 5 Mục II Phụ lục II.

c.2) Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được xác định theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị quyết số 107/2023/QH15. Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại Việt Nam là tổng của khoản giảm trừ về tài sản hữu hình và khoản giảm trừ về tiền lương của mỗi đơn vị hợp thành. Cách xác định khoản giảm trừ về tài sản hữu hình và khoản giảm trừ về tiền lương được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Mục II Phụ lục II.

d) Số thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành bao gồm:

d.1) Số tiền thuế bổ sung phát sinh trong trường hợp thuế suất thực tế và thuế bổ sung của năm tài chính trước đó phải tính toán lại theo quy định tại khoản 9.4, khoản 11.1, khoản 11.4 Mục II, khoản 1.4 và khoản 9 Mục III Phụ lục II.

d.2) Số tiền thuế bổ sung phát sinh trong trường hợp năm tài chính không có thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại một nước, nếu thuế thuộc phạm vi áp dụng đã điều chỉnh tại một nước nhỏ hơn 0 và thấp hơn thuế thuộc phạm vi áp dụng đã điều chỉnh theo dự kiến được xác định theo quy định tại khoản 8.5 Mục II Phụ lục II Nghị định này.

2. Số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn sẽ được xác định bằng 0 (không) theo quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị quyết số 107/2023/QH15, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, trong đó:

a) Doanh thu bình quân, thu nhập hoặc lỗ bình quân tại một nước được xác định theo quy định tại khoản 14 Điều 3 Nghị quyết số 107/2023/QH15. Trường hợp không có các đơn vị hợp thành nào có doanh thu hoặc thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại Việt Nam trong năm tài chính đầu tiên hoặc năm tài chính thứ hai trước năm tài chính xác định nghĩa vụ thuế thì các năm đó sẽ được loại trừ khi tính doanh thu bình quân và thu nhập bình quân hoặc lỗ bình quân theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại Việt Nam. Trường hợp Tập đoàn đa quốc gia có đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số thì doanh thu bình quân và thu nhập bình quân quy định tại khoản này bao gồm cả doanh thu hoặc thu nhập của đơn vị hợp thành đó.

b) Trường hợp đơn vị hợp thành có năm tài chính ngắn hơn 12 tháng thì doanh thu, thu nhập hoặc lỗ của năm đó được điều chỉnh theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

c) Đơn vị hợp thành được lựa chọn áp dụng hoặc không áp dụng quy định tại khoản này là đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai.

3. Số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn tại Việt Nam không được xác định là bằng 0 trong trường hợp phát sinh các khoản điều chỉnh sau kê khai liên quan đến các điều khoản điều chỉnh thuế suất thực tế làm thu nhập bình quân và doanh thu bình quân tại Việt Nam vượt ngưỡng quy định tại khoản này vào các năm tài chính trước đó. Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai phải cung cấp các thông tin liên quan và khai, nộp thuế đối với các năm tài chính đó.

4. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo QDMTT đối với một số trường hợp các đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số, các đơn vị hợp thành tham gia và rời khỏi tập đoàn đa quốc gia, Chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả, Liên doanh, Tập đoàn đa quốc gia có nhiều công ty mẹ, Cơ sở thường trú có công ty mẹ tối cao là một đơn vị trung chuyển thực hiện theo quy định tại khoản 12 đến khoản 17 Mục II Phụ lục II.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH VỀ IIR

Điều 6. Nguyên tắc áp dụng IIR

1. Công ty mẹ tối cao, công ty mẹ bị sở hữu một phần, công ty mẹ trung gian tại Việt Nam nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp quyền sở hữu đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp tại nước ngoài tại bất kỳ thời điểm nào trong năm tài chính xác định nghĩa vụ thuế phải áp dụng IIR theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 107/2023/QH15.

Quyền sở hữu là lợi ích vốn chủ sở hữu, theo đó chủ sở hữu có các quyền đối với lợi nhuận, vốn hoặc các khoản khác thuộc vốn chủ sở hữu của một đơn vị

bao gồm các cơ sở thường trú của công ty chính hoặc đơn vị trung chuyển. Lợi ích vốn chủ sở hữu là lợi ích xác định theo khoản mục vốn chủ sở hữu theo chuẩn mực kế toán tài chính được sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Thứ tự ưu tiên áp dụng IIR theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu như sau:

a) Công ty mẹ bị sở hữu một phần tại Việt Nam nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp quyền sở hữu trong đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp tại nước ngoài tại bất kỳ thời điểm nào trong năm tài chính sẽ phải nộp số thuế bằng phần thuế phân bổ cho công ty mẹ bị sở hữu một phần từ thuế bổ sung của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp tại nước ngoài đó trong năm tài chính, trừ trường hợp công ty mẹ bị sở hữu một phần tại Việt Nam được sở hữu toàn bộ trực tiếp hoặc gián tiếp bởi một công ty mẹ bị sở hữu một phần khác đã có nghĩa vụ phải áp dụng IIR đạt chuẩn trong năm tài chính đó tại Việt Nam hoặc tại nước khác.

b) Công ty mẹ tối cao là đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp quyền sở hữu trong đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp tại nước ngoài tại bất kỳ thời điểm nào trong năm tài chính xác định nghĩa vụ thuế phải nộp số thuế bằng phần thuế phân bổ cho công ty mẹ tối cao từ thuế bổ sung của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp tại nước ngoài đó trong năm tài chính đó.

c) Công ty mẹ trung gian của một tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp quyền sở hữu trong một đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp tại nước ngoài tại bất kỳ thời điểm nào trong năm tài chính xác định nghĩa vụ thuế phải nộp số thuế bằng phần thuế phân bổ cho công ty mẹ trung gian từ thuế bổ sung của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp tại nước ngoài đó trong năm tài chính đó, trừ trường hợp công ty mẹ tối cao của tập đoàn đa quốc gia đã có nghĩa vụ phải áp dụng IIR đạt chuẩn trong năm tài chính đó tại Việt Nam hoặc tại một nước khác; hoặc một công ty mẹ trung gian khác có quyền kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp trong công ty mẹ trung gian đã có nghĩa vụ phải áp dụng IIR đạt chuẩn trong năm tài chính đó tại Việt Nam hoặc tại một nước khác.

3. Nước thực hiện IIR đạt chuẩn theo danh sách do Diễn đàn hợp tác chung về chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận toàn cầu công bố.

Điều 7. Xác định tổng số thuế bổ sung tại một nước

1. Tổng số thuế bổ sung tại một nước xác định theo công thức quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 107/2023/QH15. Trong đó:

a) Tỷ lệ thuế bổ sung: được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 107/2023/QH15. Tỷ lệ thuế bổ sung được làm tròn đến chữ số thập phân thứ tư. Trường hợp tỷ lệ thuế bổ sung lớn hơn thuế suất tối thiểu (do thuế suất thực tế nhỏ hơn 0) thì tập đoàn đa quốc gia tính tỷ lệ thuế bổ sung là 15%; chi phí thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh nhỏ hơn 0 của năm tài chính xác định nghĩa vụ thuế được chuyển sang các năm sau để giảm trừ thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh khi xác định thuế suất thực tế tại Việt Nam và thực hiện theo quy trình quản lý đối với chi phí thuế

nhỏ hơn 0 chưa bù trừ hết theo quy định tại khoản 8.6 Mục II Phụ lục II.

b) Thuế suất thực tế tại một nước được tính cho mỗi năm tài chính và được xác định theo công thức tại khoản 5 Điều 5 Nghị quyết số 107/2023/QH15. Trong đó:

b.1) Thuế thu nhập doanh nghiệp tại một nước thuộc phạm vi áp dụng bao gồm: Thuế được ghi trong sổ kế toán của một đơn vị hợp thành liên quan đến thu nhập hoặc lợi nhuận, hoặc phần thu nhập hoặc phần lợi nhuận của một đơn vị hợp thành khác mà đơn vị đó nắm giữ quyền sở hữu; Các loại thuế có tính chất tương tự hay về căn bản giống như thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế đối với lợi nhuận được chia, các khoản được coi là khoản phân chia lợi nhuận và chi phí không liên quan đến hoạt động kinh doanh được áp dụng theo Quy định thuế đối với Phân chia thu nhập Đạt chuẩn và thuế áp dụng có xét đến lợi nhuận để lại và vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp, bao gồm thuế đánh trên các hạng mục thu nhập và vốn chủ sở hữu; trừ Thuế bổ sung do công ty mẹ trích trước theo IIR đạt chuẩn (nếu có); Thuế bổ sung được trích trước bởi một đơn vị hợp thành theo QDMTT; Thuế do đơn vị hợp thành là công ty bảo hiểm nộp thay đối với thu nhập từ đầu tư của chủ hợp đồng bảo hiểm, Thuế thu nhập quy về cho chủ sở hữu được hoàn trả không đạt chuẩn, các khoản thuế liên quan đến việc điều chỉnh được thực hiện bởi một đơn vị hợp thành do việc áp dụng UTPR đạt chuẩn (nếu có).

b.2) Số thuế thu nhập doanh nghiệp tại một nước thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh là thuế thu nhập doanh nghiệp tại một nước thuộc phạm vi áp dụng quy định tại khoản này và được điều chỉnh theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Mục III Phụ lục II.

b.3) Thuế suất thực tế được tính riêng cho trường hợp:

b.3.1) Các đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số trong một tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số

b.3.2) Đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số không phải là thành viên của tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số.

b.3.3) Đơn vị hợp thành không xác định được nước cư trú. Thuế suất thực tế và thuế bổ sung của một đơn vị hợp thành không xác định được nước cư trú sẽ được tính riêng cho một nước.

b.3.4) Đơn vị đầu tư hoặc đơn vị đầu tư bảo hiểm.

b.4) Khi xác định thuế suất thực tế và thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo quy định tại Điều này, phải loại trừ các khoản thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh và thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của các đơn vị hợp thành là các đơn vị đầu tư hoặc đơn vị đầu tư bảo hiểm trong một nước hoặc các đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số trong một tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số.

c) Lợi nhuận tính thuế bổ sung được xác định theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị định này.

c.1) Thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được xác định theo quy định tại điểm c1 khoản 1 Điều 5 Nghị định này và khoản 1 Mục III Phụ lục II.

c.2) Giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được xác định theo quy định tại điểm c2 khoản 1 Điều 5 Nghị định này và khoản 2 Mục III Phụ lục II.

d) Số thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành xác định theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị định này.

d.1) Trường hợp theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị định này, Tập đoàn phát sinh thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành tại một nước trong năm tài chính hiện tại nhưng Tập đoàn không có thu nhập ròng theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu trong năm tài chính này, thì Thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của mỗi đơn vị hợp thành tại nước đó theo quy định của sẽ được tính bằng số thuế bổ sung phân bổ cho đơn vị đó theo tỷ lệ thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành trên tổng thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của tất cả các đơn vị hợp thành tại nước đó chia cho thuế suất tối thiểu.

d.2) Trường hợp theo quy định tại điểm d.1 khoản 1 Điều 5 Nghị định này, Tập đoàn phát sinh thuế bổ sung được điều chỉnh theo năm hiện hành thì thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của mỗi đơn vị hợp thành tại nước đó để tính tỷ lệ phân bổ cho công ty mẹ đối với đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp trong năm tài chính được tính bằng thuế bổ sung được phân bổ cho đơn vị đó theo quy định tại khoản này chia cho thuế suất tối thiểu. Khoản thuế bổ sung được điều chỉnh theo năm hiện hành được phân bổ cho mỗi đơn vị theo quy định tại điểm này chỉ được phân bổ cho các đơn vị hợp thành ghi nhận số tiền thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh nhỏ hơn 0 và nhỏ hơn thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành đó nhân với thuế suất tối thiểu. Việc phân bổ sẽ được thực hiện theo tỷ lệ căn cứ vào số tiền được xác định cho từng đơn vị hợp thành theo công thức sau:

Số tiền để xác định tỷ lệ phân bổ cho từng đơn vị hợp thành = (Thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu x Thuế suất tối thiểu) – Thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh.

(không phân bổ theo tỷ lệ thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành trên tổng thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của tất cả các đơn vị hợp thành tại nước đó)

d.3) Nếu một đơn vị hợp thành được phân bổ thuế bổ sung được điều chỉnh theo năm hiện hành theo quy định tại điểm này và khoản 10 Điều 5 Nghị quyết 107/2023/QH15 thì đơn vị hợp thành đó được xác định là đơn vị hợp thành chịu thuế thấp theo quy định tại Điều này.

đ) QDMTT tại một nước trong năm tài chính được trừ khi xác định thuế bổ sung về IIR thực hiện theo danh sách do Diễn đàn hợp tác chung về chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận toàn cầu công bố.

e) Số thuế phân bổ cho công ty mẹ từ số thuế bổ sung của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp xác định theo quy định tại khoản 11 Điều 5 Nghị quyết số 107/2023/QH15, trong đó: 4

e.1) Số thu nhập phân bổ theo quyền sở hữu do các chủ sở hữu khác nắm giữ là số thu nhập thuộc về các chủ sở hữu đó theo các nguyên tắc của chuẩn mực Báo cáo tài chính được chấp nhận sử dụng trong Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao, nếu thu nhập ròng của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp bằng thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu và đồng thời đảm bảo các điều kiện sau:

e.1.1) Công ty mẹ được xác định là đã lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán của Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao (Báo cáo tài chính hợp nhất giả định);

e.1.2) Công ty mẹ có quyền kiểm soát trong đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp mà tất cả các khoản thu nhập và chi phí của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp đều được hợp nhất trên cơ sở tương ứng với từng khoản thu nhập và chi phí của công ty mẹ trong Báo cáo tài chính hợp nhất giả định;

e.1.3) Tất cả thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp được xác định là từ các giao dịch với các bên không phải là đơn vị trong tập đoàn;

e.1.4) Tất cả các quyền sở hữu không do công ty mẹ nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp đều được xác định là do các bên không phải là các đơn vị trong tập đoàn nắm giữ.

e.2) Trường hợp đơn vị hợp thành là đơn vị trung chuyển, thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu dùng để phân bổ thuế bổ sung về IIR sẽ không bao gồm bất kỳ thu nhập nào được phân bổ cho chủ sở hữu của đơn vị trung chuyển không phải là một thành viên trong tập đoàn.

g) Một công ty mẹ nắm giữ quyền sở hữu trong đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp gián tiếp thông qua một công ty mẹ trung gian hoặc một công ty mẹ bị sở hữu một phần không đủ điều kiện để được loại trừ khỏi diện áp dụng Quy định tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu theo quy định tại điểm a hoặc điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị định này sẽ giảm đi phần tương ứng với thuế phân bổ cho công ty mẹ từ thuế bổ sung của đơn vị hợp thành chịu thuế suất thấp. Khoản giảm trừ này là một khoản tiền tương ứng với thuế phân bổ cho công ty mẹ mà công ty mẹ trung gian hoặc công ty mẹ bị sở hữu một phần đã phải tính theo Quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu đạt chuẩn.

2. Tổng số thuế bổ sung tại một nước sẽ được xác định bằng 0 (không) theo quy định tại khoản 12 Điều 5 Nghị quyết số 107/2023/QH15, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, trong đó:

a) Doanh thu bình quân, thu nhập hoặc lỗ bình quân tại một nước được xác định theo quy định tại khoản 14 Điều 3 Nghị quyết số 107/2023/QH15. Trường hợp không có các đơn vị hợp thành nào có doanh thu hoặc thu nhập hoặc lỗ theo

Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại nước đó trong năm tài chính đầu tiên hoặc năm tài chính thứ hai trước năm tài chính xác định nghĩa vụ thuế thì các năm đó sẽ được loại trừ khi tính doanh thu bình quân và thu nhập bình quân hoặc lỗ bình quân theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại nước đó. Trường hợp Tập đoàn đa quốc gia có đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số thì doanh thu bình quân và thu nhập bình quân quy định tại khoản này bao gồm cả doanh thu hoặc thu nhập của đơn vị hợp thành đó.

b) Trường hợp đơn vị hợp thành có năm tài chính ngắn hơn 12 tháng thì doanh thu, thu nhập hoặc lỗ của năm đó được điều chỉnh theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

c) Đơn vị hợp thành được lựa chọn áp dụng hoặc không áp dụng quy định tại khoản này là đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai.

d) Việc lựa chọn theo quy định tại khoản này không áp dụng cho đơn vị hợp thành là một đơn vị hợp thành không quốc tịch hoặc là một đơn vị đầu tư. Tập đoàn đa quốc gia không phải tính riêng doanh thu bình quân theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu và thu nhập bình quân theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu đối với các đơn vị của một tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số hoặc một đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số được tính trên cơ sở một công ty riêng.

3. Tổng số thuế bổ sung tại một nước không được xác định là bằng 0 trong trường hợp phát sinh các khoản điều chỉnh sau kê khai liên quan đến các điều khoản điều chỉnh thuế suất thực tế làm thu nhập bình quân và doanh thu bình quân tại nước đó vượt ngưỡng quy định tại khoản này vào các năm tài chính trước đó. Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai phải cung cấp các thông tin liên quan và khai, nộp thuế đối với các năm tài chính đó.

4. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo IIR đối với một số trường hợp chuyển nhượng tài sản và nợ phải trả, Liên doanh, Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển, Công ty mẹ tối cao thực hiện cơ chế cho khấu trừ cổ tức, Quy định thuế đối với việc phân chia thu nhập hợp lệ, Tính thuế suất thực tế với các đơn vị đầu tư, Lựa chọn đơn vị đầu tư không có chịu thuế thu nhập, Lựa chọn phương pháp áp dụng quy định thuế đối với việc phân chia thu nhập, Trường hợp các đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số, Quy định đối với các đơn vị hợp thành tham gia và rời khỏi tập đoàn đa quốc gia, Tập đoàn đa quốc gia có nhiều công ty mẹ thực hiện theo khoản 5 đến khoản 15 Mục III Phụ lục II.

CHƯƠNG III

QUY ĐỊNH CHUYỂN TIẾP VÀ GIÁM TRƯ TRÁCH NHIỆM

Điều 8. Xử lý các khoản thuế trong thời gian chuyển tiếp

1. Năm chuyển tiếp, đối với một nước, là năm tài chính đầu tiên mà tập đoàn đa quốc gia thuộc phạm vi của Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu đối với nước đó.

2. Khi xác định thuế suất thực tế tại một nước trong năm chuyển tiếp và cho mỗi năm tiếp theo, tập đoàn đa quốc gia phải tính đến tất cả các khoản tài sản thuế hoãn lại và các khoản thuế hoãn lại phải trả được phản ánh hoặc ghi nhận trong báo cáo tài chính của tất cả các đơn vị hợp thành tại nước đó trong năm chuyển tiếp. Các khoản tài sản thuế hoãn lại và các khoản thuế hoãn lại phải trả được xác định theo quy định từ khoản 1 đến khoản 6 Mục IV Phụ lục II.

3. Trường hợp một đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng QDMTT tại Việt Nam trước khi thuộc đối tượng áp dụng IIR tại nước của công ty mẹ thì *Năm chuyển tiếp mới* là năm tài chính đầu tiên mà đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng IIR tại nước của công ty mẹ và thuế suất thực tế tại Việt Nam được xác định theo quy định tại khoản 7 Mục IV Phụ lục II.

Điều 9. Giảm trừ trách nhiệm trong giai đoạn đầu thực hiện hoạt động đầu tư quốc tế

1. Thuế bổ sung theo QDMTT tại Việt Nam được xác định bằng 0 (không) trong giai đoạn đầu thực hiện hoạt động quốc tế của tập đoàn đa quốc gia.

2. Một tập đoàn đa quốc gia được xác định là đang trong giai đoạn đầu hoạt động quốc tế nếu trong một năm tài chính khi đáp ứng cả 2 điều kiện sau:

a) Tập đoàn đa quốc gia đó có các đơn vị hợp thành tại ở không quá sáu (06) nước;

b) Tổng giá trị sổ sách của tài sản hữu hình của tất cả các đơn vị hợp thành tại tất cả các nước khác, ngoài nước tham chiếu không vượt quá 50 triệu EUR.

3. Nước tham chiếu của tập đoàn đa quốc gia là nước mà tập đoàn đa quốc gia có tổng giá trị tài sản hữu hình cao nhất trong năm tài chính đầu tiên tập đoàn đó thuộc phạm vi áp dụng của Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Tổng giá trị của tài sản hữu hình tại một nước là tổng giá trị sổ sách của tất cả các tài sản hữu hình của tất cả các đơn vị hợp thành trong tập đoàn đa quốc gia cư trú tại nước đó. Giá trị sổ sách của tài sản hữu hình là giá trị trung bình đầu kỳ và cuối kỳ của tài sản hữu hình được ghi nhận trên báo cáo tài chính (sau khi trừ khấu hao hoặc phân bổ lũy kế, lỗ do suy giảm giá trị).

4. Khoản 3 Điều này sẽ không áp dụng cho năm tài chính nào bắt đầu muộn hơn năm (05) năm sau ngày đầu tiên của năm tài chính đầu tiên khi tập đoàn đa quốc gia lần đầu thuộc phạm vi áp dụng của Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Đối với các tập đoàn đa quốc gia thuộc phạm vi của Quy định về thuế tối thiểu

toàn cầu từ năm 2024, khoảng thời gian năm (05) năm sẽ bắt đầu từ ngày 01/01/2024.

Điều 10. Giảm trừ trách nhiệm đã thực hiện QDMTT

Trường hợp QDMTT tại một nước đáp ứng các điều kiện về giảm trừ trách nhiệm đã thực hiện QDMTT theo danh sách do Diễn đàn hợp tác chung về chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận toàn cầu công bố thì thuế bổ sung tại nước đó theo quy định tại Điều 7 Nghị định này được xác định bằng 0 (không).

Trường hợp QDMTT tại một nước đáp ứng các điều kiện về giảm trừ trách nhiệm nhưng tập đoàn đa quốc gia không thuộc đối tượng áp dụng QDMTT tại nước đó hoặc cơ quan thuế tại nước đó không thu được QDMTT đối với đơn vị hợp thành tại quốc gia đó thì tập đoàn không được áp dụng giảm trừ trách nhiệm đã thực hiện hiện QDMTT tại Việt Nam.

Điều 11. Giảm trừ trách nhiệm trong thời gian chuyển tiếp

1. Giai đoạn chuyển tiếp là khoảng thời gian có các năm tài chính bắt đầu vào ngày hoặc trước ngày 31 tháng 12 năm 2026 nhưng không bao gồm năm tài chính kết thúc sau ngày 30 tháng 6 năm 2028.

2. Trong Giai đoạn chuyển tiếp, việc giảm trừ trách nhiệm trên cơ sở Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia như sau:

a) Số thuế bổ sung tại một quốc gia cho năm tài chính sẽ được xác định là bằng 0 (không) khi đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a.1) Trong năm tài chính, tập đoàn đa quốc gia có Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia đạt chuẩn mà tổng doanh thu dưới 10 triệu EUR và lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp dưới 01 triệu EUR hoặc lỗ tại quốc gia đó.

a.2) Trong năm tài chính, tập đoàn đa quốc gia có thuế suất thực tế được đơn giản hóa trong quốc gia đó tối thiểu bằng 15% cho năm 2023 và năm 2024; 16% cho năm 2025 và 17% cho năm 2026

a.3) Lợi nhuận (hoặc lỗ) trước thuế thu nhập của tập đoàn đa quốc gia tại quốc gia đó bằng hoặc thấp hơn giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ được tính theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu đối với các đơn vị hợp thành cư trú tại quốc gia đó theo Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia. Trong đó, tỷ lệ để xác định giá trị tài sản hữu hình và tiền lương được giảm trừ là tỷ lệ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, bao gồm tỷ lệ trong giai đoạn chuyển tiếp theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 107/2023/QH15.

Cách xác định tổng doanh thu, lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp, báo cáo lợi nhuận liên quốc gia đạt chuẩn, thuế suất thực tế được đơn giản hóa, báo cáo tài chính đạt chuẩn được quy định từ khoản 1 đến khoản 10 mục V Phụ lục II.

3. Quy định tại khoản 2 nêu trên áp dụng đối với mọi đơn vị và cơ sở thường trú trong một nước. Việc giảm trừ trách nhiệm trên cơ sở báo cáo lợi nhuận liên quốc gia theo quy định tại khoản 2 Điều này đối với liên doanh và công ty con

của liên doanh được áp dụng như đơn vị hợp thành của một tập đoàn đa quốc gia riêng biệt, trừ thu nhập hoặc lỗ theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu và tổng thu nhập được lấy theo báo cáo tài chính đạt chuẩn.

4. Trong giai đoạn chuyển tiếp, không xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với các hành vi vi phạm hành chính sau:

a) Đăng ký thuế; gửi thông báo chỉ định đơn vị hợp thành tại Việt Nam chịu trách nhiệm kê khai, nộp thuế theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu quá thời hạn quy định đến 90 ngày, kể từ ngày hết thời hạn quy định tại Điều 14 Nghị định này;

b) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế quá thời hạn quy định tại Điều 14 Nghị định này nhưng không làm thay đổi giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc thông báo mã số thuế;

c) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế quá thời hạn quy định đến 90 ngày, kể từ ngày hết thời hạn quy định tại Điều 14 Nghị định này, làm thay đổi giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc thông báo mã số thuế;

d) Khai sai, khai không đầy đủ các nội dung trong hồ sơ thuế không dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc không dẫn đến tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn;

đ) Nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định đến 90 ngày, kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này;

e) Nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định từ 91 ngày trở lên nhưng không phát sinh số thuế phải nộp;

g) Nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định từ 91 ngày trở lên, có phát sinh số tiền thuế phải nộp và người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế hoặc trước thời điểm cơ quan thuế lập biên bản về hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế.

h) Khai sai căn cứ tính thuế hoặc số tiền thuế được khấu trừ hoặc xác định sai trường hợp được miễn, giảm, hoàn thuế dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn nhưng các nghiệp vụ kinh tế đã được phản ánh đầy đủ trên hệ thống sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ hợp pháp và người nộp thuế đã tự giác nộp đủ số tiền thuế thiếu, tiền chậm nộp vào NSNN trước thời điểm cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

5. Trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 5 Điều này thì người có thẩm quyền xử phạt không ra quyết định xử phạt nhưng phải áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định (nếu có).

6. Quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng đối với nước của công ty mẹ tối cao nếu công ty mẹ tối cao là một đơn vị trung chuyển, trừ trường hợp tất cả quyền sở hữu trong công ty mẹ tối cao được nắm giữ bởi chủ sở hữu đạt chuẩn. Một số trường hợp áp dụng cụ thể như sau:

a) Công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển hoặc là đối tượng áp dụng cơ chế cho khấu trừ cổ tức thì lợi nhuận hoặc lỗ trước thuế thu nhập doanh nghiệp (và bất kỳ loại thuế nào khác có liên quan) của công ty mẹ tối cao được giảm một khoản tương đương với phần nhận được hoặc phải phân bổ cho quyền sở hữu được nắm giữ bởi chủ sở hữu đạt chuẩn.

b) Trường hợp công ty mẹ tối cao là đơn vị trung chuyển thì chủ sở hữu đạt chuẩn là đối tượng nắm giữ quyền sở hữu theo quy định từ khoản 7.1.1 đến khoản 7.1.3 Mục III Phụ lục II,

c) Trường hợp công ty mẹ tối cao áp dụng cơ chế cho khấu trừ cổ tức thì chủ sở hữu đạt chuẩn đối tượng nắm giữ theo quy định từ khoản 8.4.1 đến khoản 8.4.3 Mục III Phụ lục II.

7. Quy định về giảm trừ trách nhiệm trên cơ sở báo cáo lợi nhuận liên quốc gia áp dụng đối với đơn vị đầu tư là đối tượng cư trú tại một nước theo quy định về báo cáo lợi nhuận liên quốc gia đạt chuẩn (nước của đơn vị đầu tư) được áp dụng như sau:

a) Đơn vị đầu tư áp dụng riêng biệt Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo quy định tại khoản 10, khoản 11, khoản 12 Mục III Phụ lục II, trừ trường hợp thực hiện theo quy định tại điểm b khoản này, trong đó:

a.1) Nước của đơn vị đầu tư và nước nơi đơn vị hợp thành là chủ sở hữu đơn vị đầu tư là đối tượng cư trú có quy định tiếp tục áp dụng Quy định về giảm trừ trách nhiệm trong giai đoạn chuyển tiếp;

a.2) Lợi nhuận hoặc lỗ trước thuế thu nhập và tổng doanh thu của đơn vị đầu tư (và bất kỳ loại thuế nào khác có liên quan) được ghi nhận cho nước của chủ sở hữu trực tiếp đơn vị đầu tư theo tỷ lệ quyền sở hữu tương ứng.

b) Đơn vị đầu tư không phải áp dụng riêng biệt Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu nếu không lựa chọn thực hiện quy định tại khoản 11 và khoản 12 Mục III Phụ lục II và tất cả các đơn vị hợp thành là chủ sở hữu đơn vị đầu tư đều là đối tượng cư trú tại nước của đơn vị đầu tư.

8. Quy định tại điểm a khoản 2 Điều này không áp dụng đối với:

a) Đơn vị hợp thành không xác định được nước cư trú;

b) Tập đoàn đa quốc gia có nhiều công ty mẹ mà Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia đạt chuẩn không bao gồm thông tin của cả Tập đoàn;

c) Nước tại đó một tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu có các đơn vị hợp thành nhưng không áp dụng các quy định giảm trừ trách nhiệm trong giai đoạn chuyển tiếp trong năm tài chính trước đó, trừ trường hợp năm trước đó tập đoàn đa quốc gia này không áp dụng quy định giảm trừ do chưa có bất kỳ đơn vị hợp thành nào tại nước này.

Điều 12. Giảm trừ trách nhiệm

1. Số thuế bổ sung tại một quốc gia (trừ thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành) cho năm tài chính được xác định là bằng 0 (không) khi đáp ứng

một trong các tiêu chí sau đây:

- a) Tiêu chí về lợi nhuận thông thường;
- b) Tiêu chí về ngưỡng doanh thu và thu nhập tối thiểu;
- c) Tiêu chí về thuế suất thực tế.

2. Đơn vị hợp thành được lựa chọn sử dụng phương pháp tính toán đơn giản để xác định việc đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với đơn vị hợp thành không trọng yếu, để xác định quyền được lựa chọn sử dụng phương pháp tính toán đơn giản theo quy định tại khoản 1 Điều này tại một nước, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai có thể lựa chọn hàng năm để xác định thu nhập hoặc lỗ, doanh thu và thuế thuộc phạm vi áp dụng đã được điều chỉnh của đơn vị hợp thành không trọng yếu bằng cách áp dụng phương pháp tính toán giản đơn cho đơn vị hợp thành không trọng yếu.

Đơn vị hợp thành không trọng yếu và việc áp dụng phương pháp tính toán giản đơn cho đơn vị hợp thành không trọng yếu được xác định theo quy định tại khoản 11 đến khoản 13 Mục V Phụ lục II.

Điều 13. Trường hợp không áp dụng giảm trừ trách nhiệm

1. *Đơn vị hợp thành có nghĩa vụ nộp thuế* là một hoặc một số đơn vị hợp thành cư trú tại Việt Nam phải chịu thuế bổ sung hoặc phải chịu sự điều chỉnh theo quy định tại Điều 6, điểm e và điểm g khoản 1 Điều 7 Nghị định này nếu không được áp dụng cơ chế miễn trừ trách nhiệm theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại Điều 11 và Điều 12 Nghị định này.

2. Việc lựa chọn thực hiện giảm trừ trách nhiệm tại một nước theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 Nghị định này không được áp dụng nếu có tất cả các điều kiện sau:

a) Việt Nam có thể được phân bổ thuế bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu trong trường hợp thuế suất thực tế được tính theo Điều 5 và Điều 7 Nghị định này cho nước áp dụng các trường hợp miễn trừ thấp hơn thuế suất tối thiểu;

b) Cơ quan thuế của Việt Nam đã thông báo cho đơn vị hợp thành có nghĩa vụ nộp thuế trong vòng 36 tháng sau khi nộp tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu về các sự kiện và hoàn cảnh cụ thể có thể đã ảnh hưởng trọng yếu đến điều kiện được giảm trừ của các đơn vị hợp thành cư trú tại nước áp dụng các trường hợp miễn trừ và yêu cầu đơn vị hợp thành có nghĩa vụ nộp thuế làm rõ trong vòng sáu tháng về ảnh hưởng của những sự kiện và tình huống đến điều kiện được giảm trừ của các đơn vị hợp thành;

c) Đơn vị hợp thành có nghĩa vụ nộp thuế không chứng minh được những sự kiện và tình huống nêu tại điểm b khoản này không ảnh hưởng trọng yếu đến điều kiện được miễn trừ của các đơn vị hợp thành trong thời gian cho phép phản hồi nêu trên.

CHƯƠNG IV

KÊ KHAI, NỘP THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ

Điều 14. Đăng ký thuế

1. Đối tượng đăng ký thuế

a) Đơn vị hợp thành được chỉ định chịu trách nhiệm kê khai của tập đoàn đa quốc gia;

b) Công ty được chỉ định chịu trách nhiệm kê khai của tập đoàn liên doanh áp dụng quy định QDMTT;

c) Đơn vị hợp thành được chỉ định chịu trách nhiệm kê khai của tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số áp dụng quy định QMDTT;

d) Đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số không phải là thành viên của tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số áp dụng quy định QDMTT.

2. Đối tượng đăng ký thuế theo quy định tại khoản 1 Điều này được cấp mã số thuế 10 chữ số.

3. Đối tượng đăng ký thuế theo quy định tại khoản 1 Điều này sử dụng mã số thuế được cấp theo quy định tại khoản 2 Điều này để trực tiếp kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

4. Xác định đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai

a) Việc xác định đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai được thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 6 Nghị quyết số 107/2023/QH15.

b) Trường hợp Tập đoàn đa quốc gia có nhiều hơn 01 đơn vị hợp thành tại Việt Nam thì Công ty mẹ tối cao hoặc đơn vị hợp thành tại Việt Nam gửi thông báo chỉ định một đơn vị hợp thành tại Việt Nam là đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai của Tập đoàn theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tới cơ quan thuế theo mẫu số 02/TB-ĐVHT ban hành kèm theo Nghị định này trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính báo cáo.

c) Sau năm tài chính báo cáo đầu tiên Tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng của Nghị quyết số 107/2023/QH15, Tập đoàn đa quốc gia không thay đổi đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai thì Công ty mẹ tối cao hoặc đơn vị hợp thành tại Việt Nam không phải gửi lại thông báo chỉ định cho cơ quan thuế. Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai sử dụng mã số thuế đã được cấp trên để kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của tập đoàn theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

d) Trường hợp Tập đoàn đa quốc gia thay đổi đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai thì đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai mới tiếp tục sử dụng mã số thuế đã được cấp và có trách nhiệm kế thừa nghĩa vụ thuế của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai trước đó. Đơn vị chịu trách nhiệm kê khai mới thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế theo quy định tại khoản 8 Điều

này.

đ) Trường hợp Tập đoàn đa quốc gia có Tập đoàn liên doanh, Tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số, Đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số không phải là thành viên của tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số thuộc đối tượng áp dụng của quy định QDMTT thì Tập đoàn Liên doanh, Tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số, Đơn vị hợp thành có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số không phải là thành viên của tập đoàn con có công ty mẹ tối cao là chủ sở hữu thiểu số thực hiện xác định đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản này.

e) Trường hợp cơ quan thuế chỉ định đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai của Tập đoàn đa quốc gia theo quy định tại điểm b, điểm c hoặc điểm d khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 107/2023/QH15, cơ quan thuế gửi thông báo theo mẫu số 03/TB-ĐVHT ban hành kèm theo Nghị định này tới đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai. Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai được cơ quan thuế chỉ định thực hiện thủ tục đăng ký thuế theo quy định tại Điều này. Việc chỉ định đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai của cơ quan thuế được quy định như sau:

e.1) Đối với Tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng quy định QDMTT theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết 107/2023/QH15 thì cơ quan thuế chỉ định đơn vị hợp thành có giá trị tổng tài sản lớn nhất trên báo cáo tài chính năm gần nhất tại Việt Nam thực hiện thủ tục đăng ký thuế;

e.2) Đối với Tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng quy định IIR theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết 107/2023/QH15 thì cơ quan thuế chỉ định công ty mẹ tối cao hoặc công ty mẹ bị sở hữu một phần hoặc công ty mẹ trung gian tại Việt Nam thực hiện thủ tục đăng ký thuế.

5. Hồ sơ đăng ký thuế

Hồ sơ đăng ký thuế bao gồm Tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin đăng ký thuế theo mẫu số 01-ĐKTĐ-ĐVHT ban hành kèm theo Nghị định này.

6. Thời hạn đăng ký thuế lần đầu

Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai nộp hồ sơ đăng ký thuế chậm nhất sau 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính báo cáo.

7. Thông báo mã số thuế

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký thuế lần đầu và trả kết quả Thông báo mã số thuế theo mẫu số 01-MST-ĐVHT ban hành kèm theo Nghị định này cho đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

8. Thay đổi thông tin đăng ký thuế

a) Trường hợp Tập đoàn đa quốc gia thay đổi thông tin về Tập đoàn trên Tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin đăng ký thuế thì đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai có trách nhiệm thực hiện thay đổi thông tin đăng ký thuế và nộp lại

Tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin đăng ký thuế theo mẫu số 01-ĐKTD-ĐVHT ban hành kèm theo Nghị định này tới cơ quan thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thông tin thay đổi.

b) Trường hợp Tập đoàn đa quốc gia thay đổi đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai tại Việt Nam thì đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai mới có trách nhiệm thực hiện thay đổi thông tin đăng ký thuế và nộp lại Tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin đăng ký thuế theo mẫu số 01-ĐKTD-ĐVHT ban hành kèm theo Nghị định này tới cơ quan thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thông tin thay đổi.

c) Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận và xử lý hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

9. Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu và thay đổi thông tin đăng ký thuế

Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu và thay đổi thông tin đăng ký thuế với cơ quan thuế thông qua các hình thức theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 15. Kê khai, nộp thuế

1. Hồ sơ khai thuế

a) Hồ sơ khai thuế theo Quy định về thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT) bao gồm:

a.1) Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu (Mẫu số 01/TKTT-QDMTT) ban hành kèm theo Nghị định này;

a.2) Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung (Mẫu số 01/TNDN-QDMTT) ban hành kèm theo Nghị định này;

a.3) Bản thuyết minh giải trình chênh lệch do khác biệt giữa các chuẩn mực kế toán tài chính (Mẫu số 01/TM) ban hành kèm theo Nghị định này;

a.4) Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của công ty mẹ tối cao (Mẫu số 01/TKTT-IIR) ban hành kèm theo Nghị định này (trừ trường hợp Tập đoàn đa quốc gia không phải nộp Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu ở bất kỳ quốc gia nào);

a.5) Báo cáo số liệu tài chính từng Đơn vị hợp thành sử dụng cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao.

b) Hồ sơ khai thuế theo Quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR) bao gồm:

b.1) Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu (Mẫu số 01/TKTT-IIR) ban hành kèm theo Nghị định này;

b.2) Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung (Mẫu số 01/TNDN-IIR) ban hành kèm theo Nghị định này;

b.3) Bản thuyết minh giải trình chênh lệch do khác biệt giữa các chuẩn mực

kế toán tài chính (Mẫu số 01/TM) ban hành kèm theo Nghị định này;

b.4) Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao;

b.5) Báo cáo số liệu tài chính của từng Đơn vị hợp thành sử dụng cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao.

2. Đơn vị hợp thành không phải nộp Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của công ty mẹ tối cao theo mẫu số 01/TKTT-IIR ban hành kèm theo Nghị định này cho cơ quan thuế Việt Nam nếu Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu đã được nộp theo một trong hai trường hợp sau:

a) Công ty mẹ tối cao cư trú tại nước có Hiệp định giữa nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi thông tin theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu có hiệu lực với Việt Nam trong năm tài chính;

b) Đơn vị được chỉ định khai Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu cư trú tại nước có Hiệp định giữa nhà chức trách có thẩm quyền về trao đổi thông tin theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu có hiệu lực với Việt Nam trong năm tài chính.

Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai tại Việt Nam có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thuế Việt Nam về thông tin đơn vị đã nộp Tờ khai thông tin theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu theo quy định tại điểm a, b khoản này và quốc gia nơi đơn vị đó cư trú theo mẫu số 04/TB-ĐVHT ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Đối với đơn vị hợp thành không xác định được nước cư trú thuộc đối tượng áp dụng của Quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR), đơn vị hợp thành là chủ sở hữu của đơn vị hợp thành không xác định được nước cư trú có trách nhiệm nộp Tờ khai thông tin theo Quy định thuế tối thiểu toàn cầu cho cơ quan thuế Việt Nam như các đơn vị hợp thành khác cư trú tại Việt Nam.

4. Địa điểm nộp hồ sơ khai thuế

Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai nộp hồ sơ khai thuế tới cơ quan thuế thông qua các hình thức theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ khai thuế và thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ khai thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

5. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế và nộp thuế áp dụng theo khoản 1, 2 Điều 6 Nghị quyết số 107/2023/QH15. Thời hạn nộp Tờ khai thông tin theo quy định tại điểm a.4 khoản 1 Điều này và thông báo theo quy định tại Khoản 2 Điều này chậm nhất là 18 tháng sau ngày kết thúc năm tài chính đối với năm đầu tiên mà bất kỳ đơn vị hợp thành nào của Tập đoàn đa quốc gia thuộc đối tượng áp dụng của Nghị quyết số 107/2023/QH15; 15 tháng sau ngày kết thúc năm tài chính đối với các năm tiếp theo.

Trường hợp thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế trùng với ngày nghỉ theo quy định thì thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế được tính là ngày làm việc tiếp theo của ngày nghỉ đó theo quy định tại Bộ Luật dân sự.

6. Trường hợp đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai tại năm tài chính báo cáo hiện tại phát hiện hồ sơ khai thuế theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại năm tài chính báo cáo hiện tại hoặc các năm tài chính báo cáo trước đó có sai, sót, ngoại trừ các sai, sót được điều chỉnh vào thu nhập hoặc lỗ theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, thuế thuộc phạm vi áp dụng tại năm tài chính báo cáo hiện tại theo quy định tại khoản 4.1.7 Mục II Phụ lục II, Điểm 11 Mục II Phụ lục II Nghị định này, đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai tại năm tài chính báo cáo hiện tại thực hiện khai bổ sung hồ sơ khai thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

7. Nộp thuế, bù trừ và hoàn thuế

a) Số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được nộp vào ngân sách trung ương. Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai có trách nhiệm đối với khoản thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

b) Trường hợp đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai có số tiền thuế phải nộp, tiền chậm nộp, tiền phạt liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu đã nộp lớn hơn số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp thì được bù trừ số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu nộp thừa với số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn nợ liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu hoặc trừ vào số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của lần nộp thuế tiếp theo hoặc được hoàn trả số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa khi người nộp thuế không còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

c) Trường hợp người nộp thuế đề nghị bù trừ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu nộp thừa với số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu còn nợ thì không tính tiền chậm nộp tương ứng với khoản tiền bù trừ trong khoảng thời gian từ ngày phát sinh khoản nộp thừa đến ngày cơ quan quản lý thuế thực hiện bù trừ.

d) Trình tự, thủ tục bù trừ, hoàn thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

đ) Để phục vụ mục đích theo dõi thu nộp ngân sách đối với QDMTT, cơ quan thuế có thể thực hiện phân bổ QDMTT cho các đơn vị hợp thành căn cứ theo tiêu chí thu nhập.

Điều 16. Đồng tiền khai thuế, nộp thuế

1. Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai thực hiện khai Tờ khai thông tin, Bản giải trình thuyết minh chênh lệch do khác biệt chuẩn mực kế toán tài chính theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu bằng đồng tiền sử dụng lập Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao.

2. Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai thực hiện khai Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung bằng Đồng Việt Nam.

3. Trường hợp số thuế bổ sung phải nộp trên Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu được trình bày bằng đồng tiền sử dụng lập Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao (khác Đồng Việt Nam) thì đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai được lựa chọn khai Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung bằng đồng tiền này. Trường hợp đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai lựa chọn kê khai và nộp thuế bằng Việt Nam đồng thì tỷ giá quy đổi là tỷ giá trung bình tháng 12 của năm tài chính xác định nghĩa vụ thuế.

Điều 17. Kiểm tra thuế, thanh tra thuế

1. Hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế đối với thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và pháp luật về thanh tra.

2. Cơ quan thuế được giao nhiệm vụ quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu thực hiện kiểm tra thuế, thanh tra thuế đối với đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai.

Điều 18. Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

1. Trường hợp hết thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định mà đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai chưa nộp hoặc nộp chưa đủ thì đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai phải nộp tiền chậm nộp phát sinh trên số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung chậm nộp.

2. Việc xử lý tiền chậm nộp tiền thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế đối với số tiền thuế thu nhập bổ sung chậm nộp được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế áp dụng đối với đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai và các đơn vị hợp thành khác tại Việt Nam trong cùng tập đoàn đa quốc gia (nếu có).

Điều 19. Xử phạt hành vi vi phạm hành chính thuế

1. Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tại Việt Nam có hành vi vi phạm hành chính về nghĩa vụ đối với thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Quy định thuế tối thiểu toàn cầu gồm: Vi phạm về thời hạn đăng ký thuế; vi phạm về thời hạn thông báo thay đổi thông tin trong đăng ký thuế; khai sai, khai không đầy đủ các nội dung trong hồ sơ thuế không dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc không dẫn đến tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn; vi phạm về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế; vi phạm về cung cấp thông tin liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế; vi phạm về chấp hành quyết định

kiểm tra, thanh tra thuế, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế; khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn; trốn thuế được quy định tại các văn bản pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính thì bị xử phạt theo các quy định pháp luật tương ứng, trừ các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 11 Nghị định này.

Xử phạt hành vi vi phạm hành chính về thuế không bao gồm trường hợp đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai thực hiện khai bổ sung theo các điều khoản về điều chỉnh thuế suất thực tế quy định tại khoản 9.4, khoản 11.1, khoản 11.4 Mục II, khoản 1.4 và khoản 9 Mục III Phụ lục II

2. Các nội dung về thẩm quyền xử phạt, mức tiền xử phạt, trình tự, thủ tục xử phạt và các nội dung khác liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với hành vi vi phạm hành chính về thuế theo khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.

Điều 20. Tỷ giá hối đoái

1. Trường hợp đồng tiền sử dụng trên Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao là Việt Nam đồng thì tỷ giá ngoại tệ để xác định ngưỡng doanh thu, thu nhập quy định tại các điều 2, 4, 5 và 6 của Nghị quyết 107/2023/QH15 và các ngưỡng tiền tệ tại Nghị định này (chỉ tiết) là trung bình tỷ giá trung tâm hoặc trung bình tỷ giá tính chéo của tháng 12 năm liền kề trước năm phát sinh doanh thu, thu nhập được tham chiếu do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố.

2. Trường hợp đồng tiền sử dụng trên Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao không phải là đồng Việt Nam thì tỷ giá ngoại tệ để xác định ngưỡng nêu tại khoản 1 Điều này là trung bình tỷ giá của tháng 12 năm liền kề trước năm phát sinh doanh thu, thu nhập được tham chiếu của Ngân hàng trung ương Châu Âu.

3. Trường hợp Ngân hàng trung ương Châu Âu không công bố tỷ giá quy đổi đồng tiền sử dụng trên Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao thì sử dụng trung bình tỷ giá của tháng 12 năm liền kề trước năm phát sinh doanh thu, thu nhập được tham chiếu của Ngân hàng Nhà nước tại quốc gia công ty mẹ tối cao.

Điều 21. Trao đổi thông tin tự động phục vụ quản lý thuế đối với thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu

Cơ quan thuế thực hiện trao đổi thông tin tự động theo quy định tại Hiệp định đa phương của Nhà chức trách có thẩm quyền về Trao đổi thông tin chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu để phục vụ việc quản lý thuế đối với thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.

Điều 22. Cơ chế giải quyết tranh chấp với cơ quan thuế nước ngoài khi thực hiện quản lý thuế đối với thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu

Cơ quan thuế thực hiện quy định tại Hiệp định đa phương về cơ chế giải

quyết tranh chấp theo Quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu để giải quyết các tranh chấp phát sinh với cơ quan thuế nước ngoài khi triển khai thực hiện quản lý thuế đối với thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.

PHẦN III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 202.... và áp dụng từ năm tài chính 2024. Năm tài chính 2024 là năm tài chính có ngày bắt đầu từ ngày hoặc sau ngày 01/01/2024. Trường hợp đơn vị hợp thành áp dụng năm tài chính 2024 theo công ty mẹ tối cao mà có ngày bắt đầu của năm tài chính trong tháng 12 năm 2023 thì được xác định là năm tài chính 2024 theo quy định tại Nghị định này.

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính